

CƠ CHẾ QUẢN LÝ CÁC TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ LIÊN QUAN ĐẾN TÀI SẢN MÃ HÓA TẠI VIỆT NAM: LUẬN CỨ KHOA HỌC VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

Nguyễn Thị Mỹ Linh^{1*}, Nguyễn Thị Thương², Phan Khánh Duy³

¹Trường Đại học Tài chính – Marketing

²Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

³Trường Đại học Bình Dương

*Tác giả liên hệ: Email: ntmylinh@ufm.edu.vn

Ngày nhận: 08/12/2025 Ngày nhận lại: 22/06/2026 Ngày đăng: 25/06/2026

DOI: 10.52932/jfmr.v17i1visp.1177

Phụ lục 1. Tóm tắt thực trạng tài sản mã hóa tại Việt Nam và một số quốc gia

Quốc gia	Số người sở hữu crypto (triệu)	Tỷ lệ dân số (%)	Giá trị giao dịch ước tính (tỷ USD/năm)	Xếp hạng chấp nhận crypto (Chainalysis 2023)
Việt Nam	21,2	21,1	20	1
Ấn Độ	93,0	6,6	290	2
Mỹ	52,0	15,4	480	4
Trung Quốc	59,0	4,1	350	8
Indonesia	17,0	6,0	25	7

(Nguồn: Chainalysis, 2023; Triple-A, 2024; Statista, 2024)

Phụ lục 2. Thống kê mẫu khảo sát

Chỉ tiêu	Kết quả thống kê
Thời gian khảo sát	Tháng 4 – tháng 8 năm 2025
Đối tượng khảo sát	(i) Chuyên gia, giảng viên lĩnh vực tài chính – ngân hàng, fintech, pháp lý; (ii) Cán bộ Bộ Tài chính, NHNN, UBCKNN; (iii) Doanh nghiệp fintech, sàn giao dịch, blockchain, ví điện tử
Số phiếu phát ra	300 phiếu
Số phiếu thu về	230 phiếu
Tỷ lệ phản hồi	76,7%
Số phiếu bị loại (không hoàn chỉnh)	18 phiếu (7,8%) – thiếu trên 30% câu hỏi, biểu hiện trả lời đối phó
Số phiếu bị loại (mâu thuẫn nội tại)	10 phiếu (4,3%) – phản hồi không nhất quán
Tổng số phiếu hợp lệ	202 phiếu
Tỷ lệ phiếu hợp lệ	87,8% trên tổng số phiếu thu về
Cơ cấu mẫu theo nhóm đối tượng	- 42,1% chuyên gia/giảng viên - 33,7% cán bộ quản lý nhà nước - 24,2% doanh nghiệp
Kinh nghiệm chuyên môn của đáp viên	68% có ≥ 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – pháp lý – công nghệ
Phương pháp khảo sát	Bảng hỏi bán cấu trúc, thang đo Likert 5 mức kết hợp câu hỏi mở
Hình thức khảo sát	Trực tuyến và phỏng vấn trực tiếp
Xử lý dữ liệu	Làm sạch dữ liệu, mã hóa (coding), kiểm tra logic nội tại, chuẩn hóa biến, phân nhóm theo đặc trưng nghề nghiệp

Phụ lục 3. Tổng hợp thực trạng hệ sinh thái CASPs, cơ chế quản lý và các chỉ số rủi ro tại Việt Nam

Nội dung	Số liệu	Ý nghĩa
1. Đặc điểm hệ sinh thái CASPs tại Việt Nam	- Hệ sinh thái phân mảnh: fintech nhỏ, start-up blockchain, sản quốc tế chiếm đa số.- Sản nội địa phổ biến: Remitano, VNDC, Vicuta. - Start-up nổi bật: Kyber Network, Coin98, TomoChain, Sky Mavis.- Nhà đầu tư ưa chuộng CEX: 74,4% (Vietnam Crypto Market Report 2024).	Hệ sinh thái phát triển nhanh nhưng thiếu chuẩn hóa; phụ thuộc sản quốc tế → rủi ro chủ quyền số, rủi ro lưu ký và vận hành.
2. Quy mô và hoạt động thị trường	- Giá trị giao dịch on-chain (7/2023–6/2024): 100–120 tỷ USD (Chainalysis). - Việt Nam nằm top đầu thế giới về mức độ chấp nhận crypto. - Tỷ lệ doanh nghiệp – nhà đầu tư sử dụng dịch vụ tài sản số tăng nhanh.	Quy mô thị trường lớn tương đương nhiều quốc gia đã có hành lang pháp lý, nhưng Việt Nam lại chưa có khung quản lý tương ứng → rủi ro hệ thống cao.
3. Mức độ hoàn thiện khung pháp lý theo đánh giá khảo sát (N = 202)	- “Chưa có khung pháp lý đầy đủ”: 72% (145/202). - “Trung bình”: 16% (32/202). - “Khá đầy đủ”: 12% (25/202). - Không có đáp viên chọn “Rất đầy đủ”.	Mức đồng thuận cao về tình trạng “legal vacuum” → minh chứng mạnh cho luận điểm cần xây dựng khung pháp lý CASPs.
4. Rủi ro đối với nhà đầu tư và người dùng	- Lo ngại không có cơ chế bảo vệ tài sản: 54% (109/202). - Từng gặp rủi ro nghiêm trọng khi sử dụng CASPs: 74% (150/202). - Rủi ro phổ biến nhất: lừa đảo – đa cấp trá hình 46% (93/202).	Rủi ro xuất phát từ thiếu yêu cầu tách biệt tài sản, thiếu kiểm toán công nghệ, không có giám sát vận hành và thiếu minh bạch.
5. Khoảng trống pháp lý & điểm yếu quản lý	- Không có định danh CASPs trong bất kỳ văn bản pháp luật nào. - Không có cơ chế cấp phép – giám sát chính thức. - Không quy định tách biệt tài sản khách hàng. - Không yêu cầu kiểm toán công nghệ, báo cáo rủi ro, công bố thông tin. - Không có cơ quan đầu mối quản lý. - Sandbox chưa triển khai dù có Nghị quyết 05/2025/NQ-CP.	Các khoảng trống pháp lý mang tính “cấu trúc”, không phải vấn đề kỹ thuật nhỏ. Điều này tạo ra thị trường tự phát, dễ thao túng, gian lận, khó xử lý vi phạm và không thể bảo vệ người dùng.
6. Hiệu quả phối hợp cơ quan quản lý	- Đánh giá phối hợp “kém/rất kém”: 68% (137/202). - “Trung bình”: 22% (44/202). - “Tốt”: 10% (21/202). - Không có đánh giá “rất tốt”.	Thiếu cơ quan đầu mối dẫn đến “regulatory fragmentation” → giám sát không theo kịp tốc độ phát triển thị trường.
7. Tác động tổng thể đến thị trường	- Nhu cầu cao về khung pháp lý, cơ chế cấp phép, giám sát rủi ro, minh bạch vận hành. - Thị trường vừa tăng trưởng mạnh, vừa chứa rủi ro hệ thống cao.	Hệ sinh thái CASPs của Việt Nam đang ở trạng thái “tăng trưởng nhanh – quản lý chậm”, gây ra bất cân xứng lớn giữa lợi ích thị trường và mức độ bảo vệ pháp lý.